

ABg

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11502/BC-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh
tháng 9, 9 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm
trong 3 tháng cuối năm 2019 trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 17/01/2019 của Tỉnh ủy về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019; Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 tỉnh Đồng Nai; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 về tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; kết quả thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm của các ngành và đơn vị trên địa bàn tỉnh như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019:

I. VỀ KINH TẾ:

1. Sản xuất công nghiệp – xây dựng:

1.1 Sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tháng 9/2019 tăng 2,18% so tháng trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,39% so cùng kỳ. Trong đó: Khai khoáng tăng 6,27%; nhóm ngành chế biến, chế tạo tăng 8,05%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, tăng 12,9%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước tăng 10,48%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá so cùng kỳ, là do kết quả đóng góp của các ngành công nghiệp chủ lực sản xuất ổn định, tăng trưởng cao đã góp phần làm tăng chỉ số sản xuất công nghiệp. Trong các ngành công nghiệp cấp II, hầu hết đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so cùng kỳ, cụ thể:

- Ngành khai khoáng, tăng 6,27% do nhu cầu sử dụng các sản phẩm đá, cát phục vụ cho xây dựng tăng;

- Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 9,17%. Nguyên nhân mức tăng trưởng thấp là do dịch tả Heo Châu phi diễn biến phức tạp, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thức ăn gia súc giảm; tuy nhiên các tháng gần đây nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thức ăn gia súc có xu hướng tăng lên do dịch tả Heo Châu phi đã có xu hướng giảm.

- Sản xuất công nghiệp của ngành dệt tăng 9,92%.

- Sản xuất công nghiệp của ngành sản xuất trang phục tăng 11,21%, do các doanh nghiệp ngành này có hợp đồng xuất khẩu ổn định. Bên cạnh đó nhu cầu tiêu thụ trong nước có xu hướng gia tăng, phục vụ yêu cầu thị trường nên các doanh nghiệp gia tăng sản xuất.

- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 12,66%. Đây là ngành công nghiệp chủ lực có quy mô lớn trên địa bàn, vẫn duy trì được sự tăng trưởng cao. Bên cạnh đó, do thị trường xuất khẩu ổn định từ khách hàng Mỹ và Liên minh Châu Âu nên chỉ số sản xuất tăng nhanh, cụ thể như: Dona Pacific, Chang shin, Pousung, công ty Taekwang, công ty Việt Vinh, ... các tháng đầu năm đều có mức tăng 8,5->19%.

- Sản xuất thiết bị điện tăng 15,53%. Nguyên nhân tăng khá do thị trường tiêu thụ những tháng đầu năm các sản phẩm này tăng, tiêu thụ thuận lợi nên sản xuất ngành này có mức tăng trưởng cao nhất so toàn ngành.

- Sản xuất công nghiệp của ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 8,39%. Mặc dù ngành này những tháng đầu năm gặp khó khăn về giá nguyên liệu đầu vào luôn biến động tăng cao và tình trạng thiếu lao động lành nghề nên sản xuất của ngành này tăng không cao. Tuy nhiên các tháng gần đây ngành sản xuất chế biến gỗ có xu hướng ổn định do có hợp đồng tiêu thụ, nguồn nguyên liệu bớt khan hiếm do đó tình hình sản xuất có xu hướng tăng trưởng rõ rệt: Công Ty TNHH Johson Wood; công ty Shingmark Vina; Công Ty TNHH Hòa Bình có mức tăng 6,7->15% so cùng kỳ.

Ngoài ra, các ngành có quy mô sản xuất lớn vẫn duy trì mức tăng trưởng khá ổn định như: Ngành sản xuất thuốc lá (+12,62%); sản xuất nước uống (+8,05%), sản xuất thuốc, hóa dược liệu (+5,27%); sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (+3,73%)... do có thị trường tiêu thụ ổn định.

Nhìn chung, 9 tháng đầu năm 2019 tình hình sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn có mức tăng trưởng khá ổn định, qua kết quả phản ánh chỉ số sản xuất của 27 ngành kinh tế cấp II, trong đó có 23/27 ngành tăng so cùng kỳ với mức tăng thấp nhất là 0,26% (Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học), mức tăng cao nhất 24,61% (Thoát nước và xử lý nước thải), có 4/27 ngành sản xuất chỉ số giảm so cùng kỳ, tuy nhiên mức giảm không đáng kể từ 0,38% (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) đến 9,05% (In, sao chép bản ghi các loại). Nguyên nhân chủ yếu do tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn gặp khó khăn, một số doanh nghiệp chưa có hợp đồng mới, thậm chí một số doanh nghiệp phải ngừng hoạt động do đó ảnh hưởng đến chỉ số chung của toàn ngành.

1.2 Xây dựng:

- 9 tháng đầu năm 2019 giá trị sản xuất xây dựng (giá thực tế) đạt 29.991 tỷ đồng, tăng 12,19% so cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước đạt 107 tỷ đồng, tăng 9,43%; doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 19.764,84 tỷ đồng, tăng 17,52%; doanh nghiệp có vốn ĐTNN đạt 2.148,3 tỷ đồng, tăng 27,83%, đây là khu vực doanh nghiệp có nguồn vốn lớn, máy móc thiết bị hiện đại, đội ngũ công nhân có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, đáp ứng được các nhu cầu dự án có quy mô lớn

do vậy giá trị sản xuất tăng khá cao; Loại hình khác đạt 8.629,8 tỷ đồng, tăng 13,65%. Giá trị sản xuất phân theo loại công trình: Công trình nhà ở đạt 9.278,7 tỷ đồng, tăng 18,36%; Công trình nhà không để ở đạt 7.919,6 tỷ đồng, tăng 14,99%; Công trình kỹ thuật dân dụng đạt 4.633 tỷ đồng, tăng 14,38%; hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 4.940,7 tỷ đồng, tăng 17,97% so cùng kỳ.

- Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, trật tự xây dựng trên địa bàn theo Chỉ thị số 38-CT/TU ngày 12/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Triển khai các Quyết định của Bộ Xây dựng về công nhận Khu vực thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom; Khu vực thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đạt tiêu chí đô thị loại IV.

Chấn chỉnh việc tổ chức triển khai thực hiện các điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; về trách nhiệm đối với quỹ đất 20% để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan và các chủ đầu tư tập trung hoàn thành các dự án nhà ở xã hội theo đúng kế hoạch.

Triển khai Kết luận số 467/KL-TTr ngày 29/10/2018 của Thanh tra Bộ Xây dựng về công tác quản lý, khai thác và sản xuất đá xây dựng, cát xây dựng, gạch nung, ngói nung, vật liệu xây không nung; quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng không nung trong các công trình trên địa bàn tỉnh.

Về Chương trình phát triển đô thị Đô thị mới Nhơn Trạch giai đoạn đến 2020 và giai đoạn 2021-2030: Chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với UBND huyện Nhơn Trạch rà soát, làm rõ hồ sơ Chương trình để cập nhật các dự án, khu đất đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nhưng theo quy hoạch chung đô thị Nhơn Trạch thì các dự án khu đất trên lại nằm trong khu vực đất dự trữ. Hiện nay Sở Xây dựng đang phối hợp với UBND huyện Nhơn Trạch rà soát, làm rõ hồ sơ chương trình.

Tập trung rà soát tiến độ triển khai các công trình thoát nước khắc phục tình trạng ngập nước trên địa bàn thành phố Biên Hòa, đến nay cơ bản đã khắc phục được 84% số điểm ngập úng. Đồng thời, triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn dọc các tuyến sông, suối/rạch, kênh/mương trong mùa mưa bão trên địa bàn tỉnh.

2. Sản xuất nông, lâm, thủy sản:

2.1. Sản xuất nông nghiệp:

- Trồng trọt:

*** Cây hàng năm:**

Tình hình cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, các địa phương thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, chống hạn, chống ngập úng ở cây trồng, nên giảm thiểu được thiệt hại của các loại cây trồng, việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong

sản xuất nông nghiệp ngày càng được nhân rộng trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, kết quả: diện tích gieo trồng Cây lúa vụ Đông xuân tăng 1,87%, nguyên nhân vụ Đông Xuân tăng là do chủ động được nguồn nước và khâu chuẩn bị đất tốt nên diện tích tăng khá; Diện tích lúa vụ Hè Thu giảm 3,67%; Diện tích lúa vụ mùa giảm 0,4%.

* **Cây lâu năm:** Diện tích cây lâu năm toàn tỉnh hiện có là 172.233 ha, giảm 2,22% so cùng kỳ, trong đó diện tích cây ăn quả giảm 1%; Cây công nghiệp lâu năm giảm 2,8%. Nguyên nhân diện tích giảm do một số cây lâu năm như điều, tiêu, cao su do giá thấp nên người dân chặt bỏ chuyển sang trồng cây khác; mặt khác hiện nay một số diện tích cây lâu năm ở thành phố Long Khánh, huyện Thống Nhất, Trảng Bom chuyển sang đất qui hoạch dự án, do vậy xu hướng cây lâu năm giảm dần.

- **Tình hình dịch bệnh trên cây trồng:** Trong 9 tháng đầu năm 2019 tình hình sinh vật hại cây trồng ở mức nhẹ không ảnh hưởng lớn đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Đến cuối tháng 8/2019 diện tích nhiễm bệnh khảm lá mì khoảng 676 ha, phân bố tại các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, Xuân Lộc. Diện tích nhiễm sâu keo mùa thu trên cây bắp là 452 ha phân bố tại huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú. Dự kiến đến nay diện tích nhiễm bệnh khảm lá mì có chiều hướng tăng nhẹ và diện tích nhiễm sâu keo mùa thu giảm do cây bắp đang thu hoạch.

- **Chăn nuôi:**

Từ khi xuất hiện dịch tả lợn Châu Phi, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo Ngành nông nghiệp và các địa phương thực hiện các giải pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế mức lây lan dịch bệnh. Tuy nhiên, tình hình dịch tả lợn Châu phi diễn biến phức tạp, dịch lan rất nhanh, nguy cơ lây nhiễm ở tất cả các địa phương rất cao. Đến ngày 30/9/2019, toàn tỉnh có 4.665 hộ chăn nuôi thuộc 130 xã, phường của 11 huyện, thành phố xuất hiện dịch với tổng số heo bị chết và tiêu hủy khoảng 403,483 ngàn con (chiếm 8,9% cả nước). Trong đó, một số địa phương có tổng đàn bị tiêu hủy lớn như: huyện Trảng Bom (chiếm 19,9%), Vĩnh Cửu (chiếm 17,7%), Thống Nhất (chiếm 22,4%), Long Thành (chiếm 18,4%).

Tỉnh tiếp tục chỉ đạo Ngành Nông nghiệp chú trọng thực hiện tốt công tác tuyên truyền và phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm nhất là công tác tiêm phòng; Chỉ đạo các địa phương phải tập trung vào công tác quản lý, kiểm tra, giám sát từ cơ sở chăn nuôi đến hoạt động vận chuyển, kinh doanh; Rà soát công tác tiêm phòng, thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm tại địa phương, các đầu mối lưu thông và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn.

Tính đến tháng 9/2019, trên địa bàn tỉnh tổng đàn heo đạt 1.479 triệu con, so với trước thời điểm xảy ra dịch (ngày 17/4/2019) giảm khoảng 41% tương đương giảm khoảng 1.021 triệu con. Nguyên nhân, tổng đàn heo giảm do dịch tả heo Châu Phi đang bùng phát và lây lan trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, do số heo bị dịch chết nên các hộ chăn nuôi không thực hiện tái đàn, làm cho đàn heo giảm mạnh. Trong khi đó, nhu cầu thị trường về mặt hàng heo hơi đang tăng nhanh do cung cấp thêm

cho các tỉnh phía Bắc, khiến nguồn cung thiếu hụt. Giá heo hơi tiếp diễn bất thường, giá heo đến ngày 15/9 ở mức 39.000 đến 40.000 đồng/kg.

Tổng đàn gia cầm có đến thời điểm tháng 9/2019 là 24 triệu con, tăng 5,53% so cùng kỳ, trong đó gà đạt 22,8 triệu con, tăng 5,82% và chiếm 95,12% tổng đàn gia cầm. Do thị trường tiêu thụ xã hội và xuất khẩu ổn định và có xu hướng tăng, nên các trang trại đã chủ động tăng đàn. So với các loại vật nuôi khác, chăn nuôi gà có lợi thế về hiệu quả kinh tế do vòng quay ngắn, hệ số nhân đàn nhanh và trong vùng có một số công ty lớn, như: Công ty chăn nuôi CP, Công ty Japfa, Công ty Emivest... tổ chức cho người dân chăn nuôi gia công, nên đàn gia cầm có điều kiện phát triển nhanh. Hiện nay, một số trang trại nuôi gà thịt đã kết nối được các doanh nghiệp tiêu thụ, tạo thành chuỗi khép kín từ trang trại đến bàn ăn, góp phần thúc đẩy hoạt động chăn nuôi phát triển.

2.2 Thủy lợi và phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 130 công trình thủy lợi đang hoạt động, gồm: 16 hồ chứa, 56 đập dâng, 35 trạm bơm, 23 công trình tạo nguồn, ngăn mặn, tiêu thoát lũ. Tổng số chiều dài kênh mương là 1.031,24 km, trong đó 339,22 km được kiên cố hóa bằng bê tông (*chiếm 3,9%*). Các công trình thủy lợi đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần phục vụ phát triển sản xuất (*khoảng 11% diện tích đất sản xuất được chủ động tưới từ công trình*); Lượng mưa tính đến ngày 23/9/2019 đạt 75,5% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm. Nguồn nước các hồ chứa đạt khoảng 84,6% so với tổng dung tích hồ, nguồn nước tại các sông, suối, công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất vụ năm 2019 theo kế hoạch, không xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn.

Về thiệt hại do thiên tai: Trong 9 tháng đầu năm, xuất hiện 03 cơn bão, 04 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông đã xảy ra 09 đợt mưa lớn gây ngập lụt, kèm theo dông lốc tại địa bàn các huyện: Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu và thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, nhiều tuyến đường giao thông bị chia cắt do ngập lụt, gây thiệt hại về người và sản xuất của người dân.

Nhằm giúp người dân giảm thiểu thiệt hại do dịch tả lợn Châu phi và thiệt hại do thiên tai, Tỉnh đã chỉ đạo các ngành và địa phương đẩy nhanh thực hiện công tác hỗ trợ cho người dân, cụ thể:

+ Có 1.351/4.480 hộ chăn nuôi bị thiệt hại đã được nhận hỗ trợ với tổng số tiền gần 202/800 tỷ đồng (tinh phê duyệt để đảm bảo cho các địa phương thực hiện việc hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại dịch tả lợn Châu Phi). Theo kế hoạch đề ra, tiến độ thực hiện việc chi trả tiền hỗ trợ cho các hộ dân còn chậm do vướng mắc hồ sơ, thủ tục và trong đó cũng có nguyên nhân do địa phương cấp xã làm chưa đúng, chưa đủ hồ sơ phải bổ sung lại hoặc chưa thực hiện rõ ràng nhiệm vụ này. UBND tỉnh đã yêu cầu các địa phương tiếp tục đẩy nhanh việc tri trả cho các hộ dân, đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan phải tăng cường công tác kiểm tra ở từng địa phương để kịp thời hướng dẫn, đảm bảo làm đúng, chặt chẽ về mặt quy định, hồ sơ thủ tục chi trả.

+ Đối với thiệt hại do thiên tai, tỉnh đã chỉ đạo Ngành nông nghiệp chủ trì làm việc với các địa phương đề rà soát, hướng dẫn địa phương thực hiện công tác hỗ trợ người dân bị thiệt hại theo cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

2.3 Về thủy sản:

Triển khai thực hiện Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 8/3/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản và các Thông tư hướng dẫn thi hành luật lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

9 tháng đầu năm 2019, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 7.569 ha, giảm 4,12% so với cùng kỳ năm trước (-325 ha). Trong đó: diện tích nuôi cá giảm 5,64% (-322ha); diện tích nuôi tôm sú giảm 2,67% (-36,51ha) so cùng kỳ, nguyên nhân giảm là do những năm trước người dân tận dụng các đầm, hồ đá để nuôi nay không được phép nuôi nữa, một phần diện tích nuôi tôm giảm vì nuôi quảng canh lệ thuộc vào con nước, hiệu quả đạt không cao; sản lượng thủy sản đạt 45.742,45 tấn, tăng 4,62% (+2.020 tấn) so với cùng kỳ; Trong đó sản lượng cá tăng 2,23%; sản lượng tôm tăng 25,13% so cùng kỳ.

Việc cá chết hàng loạt trên làng bè La Ngà, huyện Định Quán vào chiều ngày 16/5/2019; Tính đến ngày 20/5/2019, tổng số hộ thiệt hại là 81 hộ với số cá chết khoảng 976,4 tấn. Nguyên nhân dẫn đến cá nuôi bè chết trắng trên sông La Ngà là do thiên tai, lượng mưa lớn vào rạng sáng 16/5/2019 đã khiến cho độc tính trong nước tăng cao khiến cá bị ngộp, sốc dẫn đến việc nổi lên chết hàng loạt.

2.4 Lâm nghiệp:

Tình hình quản lý lâm phận trên địa bàn ổn định, xảy ra 02 vụ cháy rừng trồng nằm ngoài quy hoạch 03 loại rừng thiệt hại 0,82 ha. Tỷ lệ che phủ cây xanh được duy trì 56%, trong đó ổn định tỷ lệ che phủ rừng 29,76%. Ngành nông nghiệp phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan công an, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát nên đã ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Công tác trồng rừng và nuôi dưỡng rừng được các đơn vị lâm nghiệp và các hộ gia đình tập trung gieo ươm cây giống lâm nghiệp đảm bảo kịp thời gian thu hoạch theo kế hoạch đề ra.

2.5 Về tình hình đầu tư các dự án cấp nước sạch trên địa bàn:

Hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình cấp nước tập trung: xã Phú Điền huyện Tân Phú, xã Xuân Phú huyện Xuân Lộc, Ấp Bàu Cối xã Bảo Quang thành phố Long Khánh; Triển khai xây dựng các công trình cấp nước: xã Phú An huyện Tân phú, xã Xuân Mỹ huyện Cẩm Mỹ, xã Phú Lý, Ấp 1 xã Trị An (huyện Vĩnh Cửu; triển khai lắp đặt lắp đặt thiết bị lọc nước nhỏ lẻ hộ gia đình cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; thực hiện mở rộng, đầu nối cấp nước từ tuyến ống cấp nước đô thị và các công trình cấp nước nông thôn để phục vụ nước sạch cho người dân. Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2019 tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo QC02 đạt 72,8%.

2.6 Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Bộ tiêu chí Khu dân cư kiểu mẫu; Tổ chức Lễ Công bố 02 huyện (Tân Phú, Định Quán) đạt chuẩn nông thôn mới và thành phố Biên Hòa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018. Ban hành Quyết định công nhận 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Lang Minh – Xuân Lộc; Xuân Thiện, Quang Trung - Thống Nhất; Tân Bình, Hiếu Liêm – Vĩnh Cửu. Đồng thời, tỉnh đã tập trung hoàn chỉnh hồ sơ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới gửi lấy ý kiến Mặt trận Tổ quốc tỉnh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ và hội Nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

Tính đến nay, toàn tỉnh có 133/133 (100%) xã đạt chuẩn nông thôn mới; 31 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, chiếm tỷ lệ 23,3% tổng số xã xây dựng nông thôn mới; Có 11/11 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nông thôn mới, chiếm 100% tổng số đơn vị cấp huyện.

3. Hoạt động thương mại dịch vụ, xuất nhập khẩu, du lịch:

3.1 Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng:

Tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2019, kinh tế tỉnh tiếp tục phát triển, duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Chỉ số giá tiêu dùng được duy trì ở mức thấp, giá cả các mặt hàng tương đối ổn định, phù hợp với thu nhập của người tiêu dùng. Bên cạnh đó các doanh nghiệp, siêu thị và cửa hàng kinh doanh thương mại đưa ra nhiều chương trình giảm giá bán, khuyến mại hấp dẫn đối với một số mặt hàng, thay đổi mẫu mã và nâng cao chất lượng hàng hóa... đã tác động kích cầu tiêu dùng, làm cho nhu cầu mua sắm của người dân cũng tăng lên đáng kể, trong tháng có ngày nghỉ Lễ 02/9 phần đông người dân, sinh viên, học sinh có thời gian nghỉ và thăm quan du lịch nhiều nơi; mặt khác đầu tháng 9 bước vào năm học mới nên nhu cầu mua sắm quần áo, giày dép mũ nón và dụng cụ học tập tăng lên, dẫn tới doanh thu thương mại, dịch vụ lưu trú, ăn uống và một số ngành dịch vụ khác tăng khá.

Kết quả, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 9 ước đạt 14.491,76 tỷ đồng, tăng 0,97% so tháng trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2019 đạt 130.218,5 tỷ đồng, tăng 11,58% so cùng kỳ và đạt 72,83% so kế hoạch năm. Trong đó: thương nghiệp tăng 11,74%; Khách sạn, nhà hàng đạt tăng 11,85%; Du lịch lữ hành tăng 8,5%; dịch vụ khác đạt tăng 10,62% so cùng kỳ.

3.2 Giá cả thị trường:

Tháng 9 năm 2019 tình hình giá cả một số mặt hàng biến động theo xu hướng tăng, đặc biệt là các mặt hàng xăng, dầu, gas, thực phẩm...

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2019 so với tháng 8/2019 tăng 0,61% (khu vực thành thị tăng 0,49%; nông thôn tăng 0,7%). Có 6/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng so tháng trước.

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2019 so với tháng 12/2018 tăng 2,8%. Có 11/11 nhóm hàng hoá có chỉ số tăng, trong đó: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,12%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,21%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,55%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,01%; giao thông tăng 2,85%; giáo dục tăng 2,01%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 1,57%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,24%; nhà ở, điện nước, chất

đốt và VLXD tăng 6,4%; bưu chính viễn thông tăng 0,08%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,6%.

- *Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng so cùng kỳ tăng 2,56%*. Trong đó: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4,06%), Thuốc và dịch vụ y tế (+3,08%); giao thông (+3,76%); giáo dục (+2,14%); may mặc, mũ nón, giày dép (+3,28%); nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD (+4,85%); thiết bị đồ dùng gia đình (+0,99%); hàng hóa và dịch vụ khác (+1,93%). Có 1 nhóm giảm là giao thông (-1,55%).

3.3 Xuất nhập khẩu hàng hóa:

- **Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa** tháng 9 đạt 1.734,86 triệu USD, tăng 1,14% so tháng trước. Dự ước 9 tháng năm 2019, đạt 14.438 triệu USD, tăng 6,1% so cùng kỳ, trong đó Kinh tế nhà nước đạt 365,41 triệu USD, tăng 4,31%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 2.256,14 triệu USD, tăng 5,56%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.815,96 triệu USD, tăng 6,39% so cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu tăng thấp (cùng kỳ năm 2018 tăng 10,68%) do ảnh hưởng của một số mặt hàng nông sản xuất khẩu truyền thống giá thế giới giảm như: Hạt điều, tiêu, cà phê, cao su... Ngoài ra, do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ Trung đã ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu.

Một số ngành hàng xuất khẩu 9 tháng tăng, giảm so cùng kỳ như sau: Cao su ước tăng 59,1%; Giày, dép các loại tăng 16,73%; Máy móc thiết bị tăng 18,67%; Sản phẩm từ chất dẻo tăng 9,74%; Hạt tiêu tăng 3,83%; Phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 10,48%; Sản phẩm gỗ tăng 7,5%...; Hàng dệt may tăng 5,4%; Xơ, sợi dệt giảm 7,5%; Máy vi tính, sản phẩm điện tử giảm 4,43%; Hạt điều giảm 2,57%; Cà phê giảm 165,1% so cùng kỳ.

Thị trường xuất khẩu tháng tập trung chủ yếu ở các nước: Hoa Kỳ đạt 505,8 triệu USD, chiếm 29,7%; Nhật Bản đạt 196,5 triệu USD, chiếm 12,4%; Trung Quốc đạt 194,9 triệu USD, chiếm 12,1%; Các thị trường khác có kim ngạch xuất khẩu khá như: Hàn Quốc, Bỉ, Hong Kong, Thái Lan, Đức, Úc... chiếm tỷ trọng từ 2,5% đến 5,2% tổng kim ngạch xuất khẩu.

- **Kim ngạch nhập khẩu** trên địa bàn tháng 9 năm 2019 ước đạt 1.474,92 triệu USD, tăng 8,76% so tháng trước. Dự ước 9 tháng đạt 11.986,16 triệu USD, tăng 1,06% so cùng kỳ. Trong đó: Kinh tế nhà nước đạt 232,8 triệu USD, tăng 0,19%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 2.062,13 triệu USD, tăng 3,33%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.691,22 triệu USD, tăng 0,61% so cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu tăng thấp là do giá các mặt hàng nông sản giảm mạnh từ 11,82% đến 38,02% so cùng kỳ. Mặt khác do hợp đồng xuất khẩu giảm mạnh nên việc nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất cũng giảm theo. Cụ thể một số mặt hàng nguyên liệu nhập khẩu tăng: Hạt Điều, thức ăn gia súc và nguyên liệu, Ngô, Cao su,...

Thị trường nhập khẩu trong tháng 9 chủ yếu ở các nước: Trung Quốc ước đạt 410,2 triệu USD, chiếm 20,7%; Hàn Quốc ước đạt 321,8 triệu USD, chiếm 15,5%; Đài Loan ước đạt 220,8 triệu USD, chiếm 11,3% tổng kim ngạch nhập khẩu. Các thị trường khác cũng có kim ngạch nhập khẩu khá cao như: Hoa kỳ; Nhật Bản; Thái Lan; Brazil; Indonesia, Malaysia.... chiếm tỷ trọng từ 2,1% đến 9,8% tổng kim ngạch nhập khẩu.

3.4 Hoạt động Du lịch:

UBND tỉnh ban hành quy định quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn Đồng Nai. Ban hành Kế hoạch thực hiện “*Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025*” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Các hoạt động của ngành du lịch có những chuyển biến tích cực, có nhiều đổi mới. Tỉnh đã phối hợp tỉnh Lâm Đồng tổ chức khảo sát du lịch tại khu du lịch Suối Mơ (Tân Phú), trạm dừng chân Ca cao Trọng Đức (Định Quán), khu du lịch Vườn Xoài, Văn miếu Trấn Biên và khu du lịch Bửu Long (Biên Hòa) để giới thiệu, nghiên cứu kết nối tuyến du lịch Đồng Nai với Lâm Đồng. Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục duy trì Chương trình “*Điểm hẹn du lịch Đồng Nai*” được phát sóng định kỳ hàng tuần trên Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai, chuyên mục du lịch trên Báo Đồng Nai, Tổng cục Du lịch và trên Đài Tiếng nói Việt Nam.

Các cơ sở vật chất kỹ thuật và chất lượng dịch vụ tiếp tục được các đơn vị quan tâm đầu tư để thu hút du khách đến tham quan, vui chơi giải trí. Dự ước, 9 tháng đầu năm tổng lượt khách đến tham quan, vui chơi giải trí và lưu trú đạt 3.534.000 lượt người, doanh thu dịch vụ du lịch đạt 1.238 tỷ đồng. So với cùng kỳ 2018, tăng 10% số lượt khách và tăng 15,7% về doanh thu.

3.5 Bưu chính viễn thông – Công nghệ thông tin:

Thường xuyên chỉ đạo doanh nghiệp bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh tăng cường thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức và kỹ năng về phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong dịp lễ, tết. Thực hiện ngầm hóa hệ thống mạng cáp tại 02 tuyến đường trên địa bàn thành phố Biên Hòa, xác định 42 km các tuyến đường thực hiện chỉnh trang ngoại vi năm 2019.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “*Nâng cao hiệu quả hoạt động điểm bưu điện văn hóa xã phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai 2019*”. Xây dựng quy trình thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Kết quả 9 tháng đầu năm 2019 doanh thu bưu chính, viễn thông đạt 4.792,44 tỷ đồng, tăng 3,02% so cùng kỳ; Số máy điện thoại phát triển là 632.683 thuê bao điện thoại, giảm 7,64% so cùng kỳ; Số thuê bao Internet phát triển mới 9 tháng là 72.893 thuê bao, tăng 6,14% so với cùng kỳ.

Triển khai việc khai thác, sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3.6 Hoạt động tài chính -ngân hàng:

- Hoạt động thu chi ngân sách:

Ngay từ đầu năm 2019, các giải pháp về thu - chi ngân sách được các ngành, các cấp thực hiện đồng bộ, khẩn trương, kết quả 9 tháng đầu năm 2019 như sau:

* *Thu ngân sách trên địa bàn* là 37.217 tỷ đồng, đạt 68,6% so với dự toán, trong đó:

+ Thu nội địa là 25.225 tỷ đồng, đạt 67,8% so dự toán, tăng 29% so với cùng kỳ, trong đó thu xổ số kiến thiết 1.098,5/1.485 tỷ đồng, đạt 74% dự toán, bằng 93% so với cùng kỳ (*Nếu trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thu nội địa đạt 22.076,7/34.206 tỷ đồng, đạt 65% dự toán, tăng 28% so với cùng kỳ*). Thu nội địa đạt khá so với dự toán là do sự đóng góp của các khoản thu như: thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (đạt 118% dự toán), thu tiền sử dụng đất (đạt 176% dự toán); thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 72% dự toán; thu xổ số kiến thiết đạt 74% dự toán...

Riêng các khoản thu có tỷ trọng lớn như thu từ lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt thấp (dưới 60% dự toán). Nguyên nhân, phần lớn các doanh nghiệp mới thành lập chủ yếu là nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu từ công ty mẹ ở nước ngoài. Việc nộp thuế giá trị gia tăng nhập khẩu sau đó lại được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào cũng đã làm giảm thuế giá trị gia tăng phải nộp ở nội địa. Mặt khác, trong năm 2018, Cục Thuế cũng đã nỗ lực rà soát thu sát số phát sinh nên số thu chuyên qua năm 2019 còn ít; một số trường hợp không còn phát sinh số phải nộp.

Nhìn chung, tiến độ thu nội địa 9 tháng đầu năm của Tỉnh Đồng Nai đạt khá so với số thực hiện cùng kỳ. Tuy nhiên, xét về tình hình thu ngân sách địa phương khối tỉnh (*không bao gồm thu tiền sử dụng đất, ghi thu tiền thuê đất và thu xổ số kiến thiết*) thì tiến độ đạt rất thấp khoảng 8.048/13.244 tỷ đồng, đạt khoảng 61% so với dự toán tương đương so với số tuyệt đối hụt khoảng 1.500 tỷ đồng so với dự toán.

+ Thu xuất nhập khẩu 11.992 tỷ đồng, đạt 70,13% so với dự toán, bằng 97% so với cùng kỳ. Thu xuất nhập khẩu giảm so với cùng kỳ, do một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm dẫn đến số thuế giảm như: Mặt hàng hóa, mặt hàng xăng dầu, sắt thép các loại, nguyên phụ liệu dệt may giày da, sản phẩm hóa chất, nguyên phụ liệu thuốc lá, linh kiện, phụ tùng ô, điện gia dụng và linh kiện,...đồng thời, do mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định WTO, CEPT/AFTA,...làm giảm số thu năm 2019.

* *Tổng chi cân đối ngân sách địa phương* là 13.117,7/ 22.508,55 tỷ đồng, đạt 44% so với dự toán điều chỉnh, tăng 3% so với cùng kỳ. Trong đó chi thường xuyên là 8.434,6 tỷ đồng, đạt 62,4% so với dự toán điều chỉnh, tăng 8% so với cùng kỳ; chi đầu tư phát triển 4.588/7.489,569 tỷ đồng, đạt 61% dự toán điều chỉnh, bằng 96% so với cùng kỳ (bao gồm chi chuyển nguồn năm 2018 chuyển qua).

Việc chi ngân sách cơ bản vẫn đảm bảo cân đối được nguồn tồn quỹ để thực hiện chi cho các nhiệm vụ đầu năm 2019, trong đó đảm bảo chi lương, chi hoạt động của các đơn vị, chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, chi trợ cấp tết và đặc biệt là đảm bảo kinh phí và kịp thời cho các địa phương trên địa bàn tỉnh để thực hiện chi cho công tác chống dịch tả lợn Châu phi, hỗ trợ cho người bị thiệt hại do dịch gây ra...

- Hoạt động ngân hàng:

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 43 ngân hàng với 57 Chi nhánh ngân hàng và 222 phòng giao dịch trực thuộc; 35 Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND); 04 chi nhánh Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP).

Hệ thống ngân hàng trên địa bàn thực hiện tốt công tác thanh toán, tăng cường công tác thanh toán không dùng tiền mặt; đáp ứng kịp thời và đầy đủ lượng tiền mặt và cơ cấu các loại tiền phục vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa. Công tác tiền tệ kho quỹ bảo đảm an toàn.

Hoạt động huy động vốn và hoạt động tín dụng trong 9 tháng đầu năm 2019:

Công tác huy động vốn: Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đến 30/9/2019 ước đạt 190.281 tỷ đồng, tăng 11,32% so đầu năm, trong đó tiền gửi ước đạt: 189.415 tỷ đồng.

Hoạt động tín dụng: Đến ngày 30/9/2019 tổng dư nợ cấp tín dụng ước đạt 211.657 tỷ đồng, tăng 16,25% so với đầu năm (trong đó nợ xấu ước chiếm 0,86% trên tổng dư nợ cho vay), trong đó tổng dư nợ cho vay ước đạt 209.571 tỷ đồng, tăng 15,22% so đầu năm. Dư nợ cho vay có xu hướng tăng trưởng khá, chủ yếu cho vay đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và một số lĩnh vực ưu tiên.

*** Việc chi trả tại các Quỹ tín dụng nhân dân đang kiểm soát đặc biệt:**

Trên địa bàn Đồng Nai có 06 Quỹ tín dụng nhân dân (Thái Bình, Tân Tiến, Thanh Bình, Dầu Giây, Quảng Tiến và Gia Kiệm) đang kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, đã thực hiện chi trả 05 đợt tại 05 QTDND Thái Bình, Tân Tiến, Thanh Bình, Dầu Giây, Quảng Tiến (QTDND Quảng Tiến hiện tại đang chi trả đợt 5 cho khách hàng kể từ ngày 04/9/2019) một khách hàng mỗi đợt chi trả tối đa là 100 triệu đồng. Kết quả đã chi trả hết cho 1.453/3.031 người = 47,94% số người; số tiền 458,303/1.463,927 tỷ đồng = 31,3% số tiền.

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân Gia Kiệm hiện tại chưa có Ngân hàng nào tham gia xử lý, sẽ gặp khó khăn trong thời gian tới. Quỹ tín dụng nhân dân Gia Kiệm được kiểm soát đặc biệt theo Quyết định số 21/QĐ-ĐNA.TTGS.m ngày 02/02/2018 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai về việc kiểm soát đặc biệt đối với Quỹ tín dụng nhân dân Gia Kiệm. Tổng số tiền Quỹ tín dụng nhân dân Gia Kiệm phải chi trả cho khách hàng là 30,12 tỷ đồng/91 khách hàng. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Đồng Nai có văn bản số 166/ĐNA-TTGS.m ngày 26/12/2018 về việc báo cáo phương án xử lý Quỹ tín dụng nhân dân Gia Kiệm, gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin ý kiến chỉ đạo.

4. Lĩnh vực giao thông- vận tải:

Triển khai đến các địa phương và các đơn vị liên quan tăng cường công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong mùa mưa, đặc biệt là các bến khách ngang sông. Đồng thời, tập trung thực hiện các dự án trọng điểm: dự án đường 319 nối ra cao tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây, dự án xây dựng tuyến đường kết nối vào cảng Phước An, dự án Hương lộ 10 từ trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ đến giao QL.1 huyện Xuân Lộc, dự án đường nối từ cầu Bửu

Hòa và Quốc lộ 1k theo hình thức BT, dự án đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng xã Phước Tân theo hình thức BOT... cơ bản thực hiện bám sát theo kế hoạch.

Riêng đối với các dự án của Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh: tình chỉ đạo Ngành Giao thông phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Bộ, chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Công tác duy tu, bảo dưỡng cầu, đường bộ, đường thủy đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch, đáp ứng giao thông được thông suốt và an toàn. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông được triển khai liên tục với nhiều giải pháp đồng bộ, tiếp tục phát huy hiệu quả, hạn chế tối đa tình trạng xe quá tải, góp phần bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông và giảm tai nạn giao thông. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch tăng cường công tác tổ chức, quản lý xe đưa rước học sinh năm học 2019-2020 nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động đưa rước học sinh.

Hoạt động vận tải 9 tháng đầu năm 2019 tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách lưu thông. Ước sản lượng vận tải hàng hóa 9 tháng tăng 5,91% vận chuyển và 6,28% luân chuyển so với cùng kỳ; sản lượng vận tải hành khách 9 tháng tăng 6,13% về vận chuyển và 6,28% về luân chuyển so với cùng kỳ.

5. Tình hình đầu tư phát triển: Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2019 đạt 65.488 tỷ đồng, bằng 87,2% so với cùng kỳ, đạt khoảng 72% kế hoạch (Mục tiêu Nghị quyết 90.000-92.000 tỷ đồng). Trong đó, vốn đầu tư từ ngân sách chiếm khoảng 6% tổng vốn đầu tư phát triển, vốn đầu tư nước ngoài chiếm 35,5%, còn lại là nguồn vốn đầu tư từ dân cư, doanh nghiệp và vốn ODA.

5.1 Tình hình thực hiện nguồn vốn ngân sách kế hoạch 2019 do địa phương quản lý như sau:

Tỉnh đã thực hiện cân đối vốn kế hoạch năm 2019 đảm bảo thứ tự ưu tiên trong công tác bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thường xuyên, tổ chức giám sát, đánh giá dự án đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân đúng tiến độ, phù hợp với vốn kế hoạch giao không để xảy ra nợ đọng.

Tuy nhiên, tiến độ giải ngân các dự án triển khai còn chậm so với kế hoạch đề ra, do một số nguyên nhân: chủ đầu tư chưa quyết liệt trong việc yêu cầu các nhà thầu thi công đảm bảo đúng tiến độ thi công; công tác thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng các địa phương triển khai còn chậm gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của dự án. Riêng đối với Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành, trong quá trình thực hiện kiểm đếm phải đo đạc chính lý bản đồ một số thửa đất do có sai lệch so với thực tế, và phải xin ý kiến của trung ương về giá đền bù cây cao su.

Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng đầu năm 2019.

Tổng nguồn vốn đầu công trên địa bàn tỉnh năm 2019 là 18.968,769 tỷ đồng, trong đó:

a. Vốn ngân sách địa phương tổng số là 7.370,169 tỷ đồng gồm

- Vốn ngân sách tỉnh tổng số là 4.266,938 tỷ đồng, trong đó:

+ Giao chi tiết từng dự án là 3.666,938 tỷ đồng, giải ngân đến thời điểm 20/9/2019 là 1.447,852 tỷ đồng (trong đó hoàn trả vốn ngân sách đã vay, tạm ứng là 271,317 tỷ đồng, giải ngân chi tiết các dự án là 1.036,535 tỷ đồng), đạt 39,48 % kế hoạch;

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất nộp quỹ là 600 tỷ đồng, đến 20/9/2019 thu là 844 tỷ đồng, đạt 141% kế hoạch.

- Vốn đầu tư công do UBND cấp huyện giao chi tiêu kế hoạch là 3.103,231 tỷ đồng, giải ngân đến 20/9/2019 là 1.436,511 tỷ đồng, đạt 46,29% kế hoạch.

b. Vốn Trung ương:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ các chương trình mục tiêu là 53,740 tỷ đồng (trong đó vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 là 12,810 tỷ đồng) bố trí cho 02 dự án (Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng, dự án khởi công mới và Dự án Đường Hương lộ 10, dự án chuyển tiếp). Đến hết 20/9/2019 là 2,547 tỷ đồng, đạt 4,7% kế hoạch; trong tháng 9 chưa có khối lượng để thực hiện giải ngân.

- Vốn Trái phiếu Chính phủ là 11.490 tỷ đồng (trong đó vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 là 4.500 tỷ đồng) bố trí cho 01 dự án quan trọng quốc gia (Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành). Đến hết 20/9/2019 giải ngân là 235,798 tỷ đồng, đạt 2,04% kế hoạch; trong tháng 9 chưa có khối lượng để thực hiện giải ngân.

- Kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài cấp phát từ ngân sách trung ương năm 2019 (vốn ODA) là 54,860 tỷ đồng, mới được trung ương giao ngày 16/7/2019 nên chưa hoàn thiện thủ tục để giải ngân.

5.2 Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm năm 2019 sử dụng nguồn vốn ngân sách: bao gồm 04 dự án trọng điểm năm 2018 tiếp tục chuyển sang năm 2019 và 02 dự án khởi công mới trong năm 2019, cụ thể như sau:

- Dự án Hồ Gia Măng, huyện Xuân Lộc (dự án chuyển tiếp) do Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi làm chủ đầu tư. Hiện nay đã hoàn thành các hạng mục chính của gói thầu và đang triển khai thi công các hạng mục phát sinh khu tưới và hệ thống điện phục vụ nhà quản lý và vận hành khai thác công trình. Kế hoạch năm 2019 bố trí 15 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến 20/9/2019 là 12,989 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư thí điểm trường học tiên tiến hiện đại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (dự án chuyển tiếp) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư: Hiện nay nhà thầu đã cung cấp 90% giá trị thiết bị theo hợp đồng. Trong quá trình lắp đặt thiết bị có xử lý phát sinh thiết bị bàn ghế và đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương phát sinh. Hiện nay, chủ đầu tư đang hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý để thực hiện đầu tư phần thiết bị bổ sung, dự kiến hoàn trong năm 2019. Kế hoạch năm 2019 bố trí cho dự án là 56 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến 20/9/2019 là 52,344 tỷ đồng.

- Dự án Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (dự án chuyển tiếp) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư: Dự án khởi công ngày 22/11/2018, nhà thầu đang triển khai thi công đồng loạt các hạng mục xây lắp, hiện nay tiếp tục xây tường hoàn thiện, tô tường, ốp lát, đi điện nước. Dự kiến hoàn thành công trình trong quý IV/2019. Kế hoạch năm 2019 bố trí cho dự án là 160 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến 20/9/2019 là 40,497 tỷ đồng.

- Dự án tuyến đường kết nối vào cảng Phước An (đoạn từ đường 319 đến nút giao cắt với đường cao tốc Bến Lức – Long Thành), huyện Nhơn Trạch (dự án chuyển tiếp) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư: Dự án khởi công vào cuối tháng 12/2018 dự kiến hoàn thành vào tháng 01/2020. Kế hoạch năm 2019 bố trí cho dự án là 70 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến 20/9/2019 là 45,217 tỷ đồng.

- Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (dự án khởi công mới) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư. Hiện nay, đang lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công tác BT GPMB giai đoạn 1 đã hoàn thành công tác bồi thường đã bàn giao mặt bằng (27 hộ); Giai đoạn 2 gồm 12 hộ, trong đó: đã bồi thường cho 9/12 hộ, còn lại 3/12 hộ ngày 16/8/2019 đã niêm yết phương án bồi thường; Đang tiến hành thủ tục giai đoạn 03 khoảng 700m². Kế hoạch năm 2019 bố trí cho dự án là 40 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến 20/9/2019 là 12,627 tỷ đồng.

- Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành (dự án khởi công mới – quan trọng quốc gia): đã thực hiện giải phóng xong mặt bằng khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn và đang thực hiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bước thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình khu tái định cư Lộc An – Bình Sơn, dự kiến cuối năm 2019 sẽ khởi công xây dựng. Các hạng mục còn lại đang triển khai thực hiện bồi thường, dự kiến đến cuối năm 2019 sẽ hoàn thành giải phóng diện tích đất trồng cây cao su khoảng 1813 ha, phần còn lại sẽ thực hiện giải phóng mặt bằng xong trong năm 2020 làm cơ sở bàn giao mặt bằng cho Cảng Hàng không quốc tế Long Thành. Kế hoạch năm 2019 bố trí cho dự án là 6.990 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến 20/9/2019 là 233,251 tỷ đồng.

6. Hoạt động thu hút đầu tư:

6.1. Đầu tư trong nước: tính đến ngày 30/9/2019, tổng vốn đầu tư trong nước đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư, chủ trương đầu tư và điều chỉnh tăng vốn là 26.855 tỷ đồng, tăng 29,7% so với cùng kỳ (*cùng kỳ năm 2018 đạt 22.246,6 tỷ đồng*), trong đó cấp mới 75 dự án với tổng vốn đăng ký là 26.142,3 tỷ đồng; 6 dự án điều chỉnh tăng vốn với số vốn bổ sung là 712,7 tỷ đồng.

Lũy kế đến ngày 30/9/2019, số dự án còn hiệu lực là 893 dự án với số vốn là 259.867,8 tỷ đồng.

6.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): tính đến ngày 30/9/2019 thu hút đầu tư từ khu vực nước ngoài đạt khoảng 1.421,65 triệu USD, tăng 0,2% so với cùng kỳ (*cùng kỳ năm 2018 đạt 1.419,4 triệu USD*), trong đó: cấp mới 82 dự án với tổng vốn đăng ký 772,15 triệu USD và 89 dự án tăng vốn với tổng vốn bổ sung 649,5

triệu USD. Dự kiến giải ngân 9 tháng đầu năm đạt 1.000 triệu USD (tương đương 23.260 tỷ đồng)

Lũy kế đến ngày 20/9/2019, số dự án còn hiệu lực là 1.446 dự án với số vốn là 29,83 tỷ USD.

7. Công tác đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã:

7.1. Công tác đăng ký doanh nghiệp:

Đến ngày 30/9/2019, tổng vốn đăng ký thành lập mới doanh nghiệp và bổ sung tăng vốn là: 36.278 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2018 (*cùng kỳ năm 2018 là 28.998,8 tỷ đồng*). Trong đó: số đăng ký thành lập mới là 2.851 doanh nghiệp, tăng 7,5% so cùng kỳ (*cùng kỳ 2018 là 2.652 doanh nghiệp*) với số vốn đăng ký là 28.798 tỷ đồng và 283 lượt doanh nghiệp đăng ký tăng vốn với vốn đăng ký bổ sung là 7.480 tỷ đồng.

Triển khai thực hiện đề án hỗ trợ doanh nghiệp: tính đến ngày 30/9/2019 thực hiện hỗ trợ, soạn thảo được 533 hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, thông báo sử dụng mẫu dấu và đăng tải trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia cho các cá nhân, doanh nghiệp có đề nghị.

Lũy kế đến ngày 30/9/2019, toàn tỉnh có 36.514 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia.

Về tình hình giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh: Lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/9/2019 có 212 doanh nghiệp giải thể với số vốn 2.102 tỷ đồng và 305 Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động. Nguyên nhân giải thể và chấm dứt hoạt động và tạm ngừng kinh doanh chủ yếu là do hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

7.2. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp: Trong 9 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh đã chủ trì tổ chức các Hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp có vốn nước ngoài và doanh nghiệp trong nước thu hút 607 doanh nghiệp tham dự. Tại Hội nghị, lãnh đạo UBND tỉnh thông tin đến các doanh nghiệp tình hình kinh tế-xã hội của tỉnh năm 2018, những nội dung chính sách, Luật mới ban hành... đồng thời lắng nghe những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để kịp thời hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp yên tâm sản xuất và hoạt động hiệu quả hơn.

Trong dịp này, UBND tỉnh Đồng Nai đã tặng bằng khen cho 10 doanh nghiệp nước ngoài và 06 doanh nghiệp trong nước đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai.

7.3. Công tác phát triển hợp tác xã: Tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác thành lập mới, củng cố, giải thể và hỗ trợ HTX, trong đó chú trọng xây dựng các HTX, THT ở các xã xây dựng nông thôn mới. Trong 9 tháng đầu năm thành lập mới được 21/35 hợp tác xã (HTX), đạt 60% kế hoạch năm, trong đó: 15 HTX lĩnh vực nông nghiệp, 01 HTX lĩnh vực xây dựng, 02 HTX Thương mại – Dịch vụ. Lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 402 hợp tác xã còn hoạt động, bao gồm 01 liên hiệp hợp tác xã, 38 Quỹ tín dụng nhân dân và 363 hợp tác xã. Số lượng hộ kinh doanh đang hoạt động là 125.913 hộ.

8. Phát triển khu công nghiệp: trên địa bàn tỉnh có 32 KCN đã được thành lập thu hút khoảng 78,5% diện tích đất cho thuê, có 42 quốc gia và vùng lãnh thổ hoạt động đầu tư với tổng số trên 1.729 dự án (bao gồm các dự án do nhà đầu tư trong nước đầu tư vào KCN), trong đó số dự án của các quốc gia Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật và các nước đến từ khối Asean chiếm tỷ lệ cao.

+ Về triển khai Đề án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1: ngày 20/8/2019 UBND tỉnh có văn bản số 9622/UBND-KT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa Khu công nghiệp Biên Hòa 1 ra khỏi quy hoạch Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trước khi phê duyệt Quy hoạch tỉnh để sớm thực hiện chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - Thương mại - Dịch vụ và cải thiện môi trường.

+ Về quy hoạch mở rộng các khu công nghiệp: Qua đề xuất của UBND các huyện và thành phố, các Công ty đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự kiến bổ sung một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh cho giai đoạn 2030 định hướng đến năm 2050. Theo đó, ngoài các khu công nghiệp hiện có dự kiến bổ sung một số KCN tại TP. Long Khánh (xã Hàng Gòn), huyện Long Thành (các xã Phước Bình, Bình An, Tân Hiệp); huyện Cẩm Mỹ (xã Xuân Quê); H. Thống Nhất (xã Xuân Thiệu), huyện Trảng Bom (xã Bàu Xéo); huyện Nhơn Trạch (xã Phước An); mở rộng các KCN hiện có tại huyện Tân Phú.

9. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên môi trường:

9.1 Công tác quản lý đất đai:

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là quản lý chặt chẽ công tác tách thửa đất, hạn chế việc hình thành các khu dân cư tự phát không đảm bảo kết nối hạ tầng khu vực gây phá vỡ cấu trúc quy hoạch.

- Chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh tiến độ xử lý các tồn tại liên quan đến đất nông, lâm trường trên địa bàn, trong đó tập trung việc lập phương án sử dụng đất đối với các khu đất thu hồi bàn giao địa phương quản lý. Đến nay, thông qua 08/37 phương án, trong đó có 04/08 phương án đã được phê duyệt phương án sử dụng đất, còn 04 phương án đang tiếp tục rà soát hoàn thiện hồ sơ.

- Xem xét, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hỗ trợ dự án Khu dân cư, tái định cư Bình Sơn tại xã Bình Sơn; kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm... để triển khai thực hiện Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung Quyết định về phân cấp việc quản lý, khai thác quỹ đất công trên địa bàn tỉnh, nhằm phân cấp cho các địa phương quản lý các khu đất công theo Phương án đã được phê duyệt. Thực hiện các nội dung chuẩn bị công tác xây dựng bảng giá đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2024.

9.2 Công tác quản lý tài nguyên và môi trường:

- Tiếp tục triển khai rà soát, xử lý các trường hợp khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, theo đó có 75 trường hợp đang khai thác, sử dụng nước dưới đất tại khu vực đã có khả năng kết nối nguồn nước cấp, có 35 trường hợp chưa có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất, đang củng cố hồ sơ xử lý nghiêm

theo quy định; có 40 trường hợp đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất, đang tiếp tục rà soát, xử lý theo Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 quy định về việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 95/KH-STNMT ngày 15/3/2017 để triển khai thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy về tăng cường quản lý khai thác và kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung rà soát, lựa chọn đơn vị tư vấn có trình độ năng lực chuyên môn về địa chất, thủy văn, môi trường để thực hiện xây dựng Đề án đánh giá tổng thể mức độ ảnh hưởng của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường và sông Bung cụm mỏ Tam Phước, Phước Tân.

- Tập trung xử lý các cơ sở thuộc danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Xem xét, lập thủ tục đưa 01 cơ sở ra khỏi danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, nâng tổng số cơ sở đã được chứng nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm môi trường là 155/157 cơ sở, đạt 98,7% (gồm: 86 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, 69 cơ sở gây ô nhiễm môi trường). Đối với 02 cơ sở còn lại, UBND tỉnh có văn bản số 2076/UBND-CNN ngày 27/02/2019 báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chấp thuận đưa ra khỏi danh sách các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng theo Quyết định 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có ý kiến.

- Tăng cường chỉ đạo các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Riêng đối với việc chôn lấp, tiêu hủy lợn bị bệnh dịch tả Châu Phi trên địa bàn, tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ảnh hưởng dẫn các địa phương thực hiện theo quy định. Đồng thời, thường xuyên chỉ đạo các cơ quan liên quan và chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh việc thu gom, xử lý chất thải; xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường; lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết đề ra. Kết quả, 9 tháng đầu năm thực hiện:

** Chỉ tiêu về thu gom, xử lý chất thải*

+ Lượng chất thải y tế thu gom, xử lý đạt khoảng 02 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 100% (đạt mục tiêu Nghị quyết, 100%).

+ Lượng chất thải nguy hại thu gom, xử lý khoảng 444 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 99% (đạt mục tiêu Nghị quyết, 99%).

+ Lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại thu gom, xử lý khoảng 1.100 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 100% (đạt mục tiêu Nghị quyết, 100%).

+ Lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom, xử lý khoảng 1.838 tấn/ngày, lượng thu gom, xử lý khoảng 1.804 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 98,1% (mục tiêu Nghị quyết là 99%). Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận tại các khu xử lý theo quy hoạch khoảng 1.470 tấn/ngày.

+ Tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đạt 43% (mục tiêu Nghị quyết năm 2019 là từ 30% trở xuống).

* *Chỉ tiêu 100% các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường:* Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 31/32 khu công nghiệp đã có dự án đi vào hoạt động về cơ bản đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt mục tiêu so với Nghị quyết đề ra là 100%.

* *Chỉ tiêu 100% khu công nghiệp có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động:* Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 25/25 khu công nghiệp có đủ nước thải vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung được lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động và truyền tải dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

Ngoài ra, còn 06 khu công nghiệp (An Phước, Lộc An - Bình Sơn, Định Quán, Tân Phú, Thanh Phú, Ông Kèo) có lượng nước thải phát sinh ít; UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động đối với các đơn vị này. Trường hợp có đủ lượng nước thải đảm bảo vận hành trạm quan trắc nước thải tập trung, thì kịp thời đề xuất UBND tỉnh triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động đối với các đơn vị này.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI:

1. Hoạt động Văn hóa, thể thao:

Báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kết quả thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban chấp hành Trung ương về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược văn hóa theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức cuộc triển lãm chuyên đề “Khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc nhìn từ những kỷ vật thêu của các chiến sĩ cách mạng trong nhà tù”; “Tổ chức Triển lãm ảnh và phim Phóng sự- Tài liệu trong cộng đồng Asean tại tỉnh Đồng Nai năm 2019 và tổ chức các hoạt động mừng các ngày Lễ lớn của đất nước.

Công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị lịch sử văn hóa và công tác quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tiếp tục được tập trung thực hiện.

Ban hành Hướng dẫn số 14/HD-BCĐ ngày 29/01/2019 về việc triển khai thực hiện tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Khu phố văn hóa” trên địa bàn tỉnh theo quy định của Chính Phủ tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018, đồng thời triển khai, hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện tại cơ sở. Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 962/962 ấp, khu phố đăng ký tham gia thi đua xây dựng và giữ vững danh hiệu ấp, khu phố văn hóa (đạt 100%); 643.946/643.946 hộ đăng ký tham gia thi đua xây dựng gia đình văn hóa (đạt 100%); có 1.612/ 1.612 cơ quan, đơn vị đăng ký “Đạt chuẩn văn hóa” (đạt 100%); có 1.230/1.356 doanh nghiệp đăng ký “Đạt chuẩn văn hóa” (đạt 90,71%).

Hoạt động thể dục - thể thao: tiếp tục duy trì các hoạt động thể thao quần chúng nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, tập luyện thể dục thể thao của quần chúng nhân dân. Trong 9 tháng đầu năm, tỉnh đã hỗ trợ tổ chức Hội diễn Lân - Sư - Rồng tỉnh Đồng Nai năm 2019; Giải Việt dã - Leo núi Chứa Chan truyền thống

huyện Xuân Lộc mở rộng lần thứ XVII năm 2019; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và hưởng ứng ngày Quốc tế Hạnh phúc tỉnh Đồng Nai năm 2019; ... Tổ chức 19 giải thi đấu cấp tỉnh; Tham gia 15 giải quốc tế, đạt 17 huy chương các loại (06 HCV, 04 HCB, 07 HCD); 53 giải quốc gia, đạt 321 huy chương các loại (112 HCV, 96 HCB, 113 HCD) và 15 giải khu vực, cụm, mở rộng, đạt 91 huy chương các loại (44 HCV, 26 HCB, 21 HCD).

2. Hoạt động Giáo dục- đào tạo; khoa học và công nghệ:

2.1 Lĩnh vực giáo dục – đào tạo

Triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt các Đề án: Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 – 2025, Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 – 2025, Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030 và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, công tác tư tưởng chính trị, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống dịch bệnh.

Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; đẩy mạnh thực hiện giáo dục hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh: đến cuối năm học 2018 – 2019, các trường đại học, phân hiệu trường đại học trên địa bàn tỉnh đào tạo 22.154 sinh viên, trong đó có 12.371 sinh viên tỉnh Đồng Nai. Trong năm học, tuyển mới 6.183 sinh viên, trong đó có 3.697 sinh viên tỉnh Đồng Nai.

Xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo các Chương trình, kế hoạch và Đề án đã được phê duyệt: kết quả, tính đến cuối năm học 2018 – 2019, trình độ đào tạo trên chuẩn của cán bộ quản lý giáo dục mầm non 91,02%, tiểu học 96,51%, THCS 97,32%, THPT 41,54%, GDTX 33,33%; cán bộ quản lý trường đại học đạt trình độ thạc sĩ 53,59%, đạt trình độ tiến sĩ 42,48%. Trình độ đào tạo trên chuẩn của giáo viên mầm non 54,12%, tiểu học 91,49%, THCS 77,31%, THPT 14,04%, GDTX 12,79%; giảng viên đại học đạt trình độ thạc sĩ 60,08% (riêng Đại học Đồng Nai đạt 88%), giảng viên đại học đạt trình độ tiến sĩ 13,42% (riêng Đại học Đồng Nai đạt 6%).

- Chỉ đạo chuẩn bị tốt kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018 – 2019, kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2019 – 2020 và các điều kiện để khai giảng năm học 2019-2020, cụ thể:

+ Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018-2019: đảm bảo an toàn, đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra. Kết quả, có 24.441/26.256 (không tính thí sinh tự do) tốt nghiệp trung học phổ thông chiếm tỷ lệ 93,09%, so với năm 2018 giảm 3,95%.

+ Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2019 – 2020 có 21/48 trường THPT công lập tổ chức bằng hình thức thi tuyển. Có 19.072 học sinh đăng ký dự thi tuyển.

+ Chuẩn bị năm học 2019 – 2020, toàn tỉnh đã thành lập mới 02 trường tiểu học, 01 trường THCS; xây dựng mới cơ sở vật chất, khánh thành và đưa vào sử dụng 02 trường tiểu học, 01 trường THCS và 01 trường THPT. Xây dựng mới 369 phòng học, sửa chữa, cải tạo 650 phòng học, 106 nhà vệ sinh, 3.620 mét tường rào; đầu tư thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non,...

Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giáo dục, phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo: hiện trên địa bàn tỉnh, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập với 03 trường đại học, 26 trường THPT và trường phổ thông nhiều cấp học, 126 trường mầm non, mẫu giáo, 972 nhóm lớp mầm non độc lập tư thục. Số học sinh ngoài công lập mầm non chiếm 56,8%, tiểu học 3,47%, THCS 4,08%, THPT 25,44%, đại học 63,4%.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển giáo dục mầm non: Tiếp tục duy trì kết quả trường học đạt chuẩn quốc gia trong hệ thống trường công lập; Mầm non 123/225 trường, tỷ lệ 54,67%; tiểu học 148/292 trường, tỷ lệ 50,68%; THCS 105/175 trường, tỷ lệ 60,0%; THPT 26/47 trường, tỷ lệ 55,32%.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm văn hóa thể thao – học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên; đẩy mạnh xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, kết quả:

+ Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi là 170/171, tỷ lệ: 99,42 %. Kết quả tỉnh đạt chuẩn PCGDMNT5T.

+ Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDTH Mức độ 2 là 11/11, tỷ lệ 100%; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDTH Mức độ 3 là 9/11, tỷ lệ 81,81%. Kết quả PCGDTH của tỉnh đạt Mức độ 2.

+ Có 11/11 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS) mức độ 1, tỷ lệ 100%; 06/11 huyện đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 2, tỷ lệ 54,55%; có 02/11 huyện đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3, tỷ lệ 18,18%. Kết quả PCGDTHCS của tỉnh đạt Mức độ 1.

+ Về phổ cập giáo dục bậc trung học, đối với đơn vị cấp xã đang khó khăn, chưa đạt được yêu cầu có ít nhất 15% vào học các trường dạy nghề; đối với đơn vị cấp huyện, cấp tỉnh hiện chỉ đạt tiêu chuẩn về yêu cầu đạt và duy trì được chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở, chưa đạt được yêu cầu về tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày 50%, chưa đạt được yêu cầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cấp tiểu học 80%, cấp THCS 70%, cấp THPT 80%.

2.2 Lĩnh vực khoa học và công nghệ:

Quản lý 36 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh và 34 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở đang triển khai; Tiếp tục thực hiện Dự án Điều tra, đánh giá trình độ công nghệ các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh năm 2019 và các tiêu chí về tính toán tốc

độ đổi mới công nghệ. Xây dựng Kế hoạch khảo sát điều tra đảm bảo về chất lượng xăng dầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019.

Thực hiện hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; bảo hộ Sở hữu trí tuệ giai đoạn 2016-2020.

Xem xét, điều chỉnh quy định xây dựng và tổ chức hoạt động trạm cân đổi chứng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Đôn đốc các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu gắn thiết bị ghi, in kết quả đo trước ngày 01/7/2019 theo quy định tại Thông tư 08/2018/TT-BKHCN ngày 15/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hướng dẫn các đơn vị triển khai lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015.

3. Hoạt động y tế:

3.1 Công tác phòng chống dịch bệnh:

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, nhất là bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng; giám sát và xử lý kịp thời các bệnh nguy hiểm: Cúm A (H5N1, H7N9), Ebola, MERS-CoV, Zika; giám sát tình hình dịch sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh, tổ chức diệt lăng quăng và phun hóa chất trên diện rộng và cấp phát, khử trùng bằng Cloramin B cho các hộ gia đình trong khu vực ổ dịch Tay chân miệng, Sởi, Sốt Xuất huyết. Chủ động đảm bảo nhân lực, vật tư, hóa chất, vắc xin đáp ứng kịp thời cho công tác xử lý dịch bệnh khi xảy ra. Tính đến tháng 9/2019, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nằm trong tầm kiểm soát, không ghi nhận các trường hợp dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi hay tái nổi như: Mers-CoV, Ebola, Zika, Tả, Cúm A/H7N9, Cúm A/H5N1...

Một số dịch bệnh lưu hành địa phương có xu hướng gia tăng như Sởi, Sốt xuất huyết và Tay chân miệng, tuy nhiên vẫn nằm trong tầm kiểm soát, chưa ghi nhận các ổ dịch lớn hay ổ dịch tập trung, phức tạp. Còn lại hầu hết các dịch bệnh khác đều có xu hướng giảm hoặc tương đương so với cùng kỳ, cụ thể tính đến ngày 27/9/2019 :

- **Sốt xuất huyết:** Toàn tỉnh ghi nhận 15.035 trường hợp mắc sốt xuất huyết, tăng 2,67 lần so với cùng kỳ 2018 (4.155 trường hợp); So với cùng kỳ năm 2018, số mắc sốt xuất huyết tăng ở 11/11 địa, trong đó tăng cao nhất ở: thành phố Biên Hòa, Trảng Bom, Long Thành và Nhơn Trạch. Tử vong 02 trường hợp (Trảng Bom; Cẩm Mỹ),

Số trường hợp mắc/100.000 dân 9 tháng đầu năm 2019 là 480 trường hợp, tăng 2,60 lần so với cùng kỳ 2018 (136 trường hợp).

Hoạt động phun hóa chất, dập dịch diện rộng: Tổ chức phun hóa chất chủ động diện rộng phòng chống SXH – Zika, huy động cộng đồng tổng vệ sinh, diệt lăng quăng tại 10 lượt xã: huyện Nhơn Trạch (07), huyện Trảng Bom (02), Long Thành (01). Tổng số hộ được xử lý phun hóa chất là 58.068 hộ.

- **Tay chân miệng:** toàn tỉnh ghi nhận số trường hợp mắc TCM là 6.473, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2018 (7.191 trường hợp). Không ghi nhận trường hợp mắc bệnh tử vong, bằng so với cùng kỳ năm 2018. Tỉnh đã giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, hỗ trợ hoạt động phòng chống bệnh TCM tại 11/11 địa phương,

giám sát công tác xử lý ca bệnh và ổ dịch tại các xã/phường có số ca mắc cao; tổ chức chiến dịch vệ sinh, khử trùng phòng, chống bệnh Tay chân miệng tại các trường mầm non, mẫu giáo, nhà trẻ trên địa bàn tỉnh năm học 2019-2020. Tổng số ổ dịch đã phát hiện và xử lý 9 tháng đầu năm 2019 là 938/999 ổ dịch được xử lý, đạt 93,89%, riêng Nhơn Trạch tỷ lệ xử lý ổ dịch chỉ đạt 50% (không đạt chỉ tiêu đề ra).

- **Sởi:** Toàn tỉnh ghi nhận **1.684** trường hợp mắc Sởi, tăng 9,5 lần so với cùng kỳ năm 2018 (160 trường hợp); Trong đó địa phương có số mắc cao nhất là TP. Biên Hòa (727 trường hợp) và huyện Long Thành (201 trường hợp), Nhơn Trạch (206 trường hợp), Trảng Bom (153 trường hợp).

- Rà soát chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin sởi, Sởi-Rubella cho trẻ từ 01 đến 05 tuổi trên quy mô 171 xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh và nhân viên y tế trực tiếp tham gia điều trị, phòng, chống dịch bệnh Sởi tại các cơ sở y tế được xác định chưa được tiêm phòng vắc xin Sởi – Rubella.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác khám và điều trị ARV cho 3.726 bệnh nhân (đạt 75,5% so với số người nhiễm quản lý, chỉ tiêu 90% người được chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị ARV, đạt 62% so với số người nhiễm ước tính tại Đồng Nai), trong đó có 148 bệnh nhân nhi được điều trị tại bệnh viện Nhi và Trung tâm Y tế huyện Long Thành; điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng Methadone trên 07 cơ sở Methadone trên toàn tỉnh với 1.310 bệnh nhân đang điều trị đạt 93,3% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao.

- Tình hình khám chữa bệnh: Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính và triển khai thực hiện khám chữa bệnh cho người có thể bảo hiểm y tế theo luật Bảo hiểm y tế. Duy trì tốt hoạt động của đường dây nóng tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Triển khai Bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, kết quả tổng số lượt khám bệnh trong 9 tháng đầu năm là 5.545.030 lượt, số ngày điều trị nội trú là 2.102.176 ngày.

3.2 Công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh giao dịch điện tử trong lĩnh vực thu Bảo hiểm xã hội Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, cấp sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội... Đồng thời, tập trung phát triển các đối tượng tham gia BHYT theo hộ gia đình và nhóm học sinh, sinh viên... Kết quả, 9 tháng đầu năm tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 82,6%, tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 48,1%, tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 45%.

3.3 Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Thực hiện tuyên truyền, giáo dục các quy định của pháp luật, các kiến thức nhằm nâng cao nhận thức và chấp hành các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, các biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm và bệnh dịch truyền qua thực phẩm. Đồng thời triển khai các kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ sở cung cấp thực phẩm với số lượng lớn như các chợ đầu mối, các siêu thị, cơ sở thương mại, cơ sở chế biến thực phẩm. Kết quả, đến tháng 9/2019, đã thực hiện kiểm tra 18.500 cơ sở, có 88,% cơ sở đạt, 12% cơ sở không đạt, xảy ra 06 vụ ngộ độc thực phẩm với tổng số người mắc là 91; không có trường hợp tử vong.

4. Các hoạt động chính sách an sinh xã hội:

4.1 Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề:

- **Công tác giải quyết việc làm:** Trong 9 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 73.074 lượt lao động, đạt 91,3% kế hoạch, tăng 0,43% so với cùng kỳ năm 2018; tổ chức 18 Sàn giao dịch việc làm với 354 lượt doanh nghiệp và 6.753 lượt người lao động có nhu cầu tìm việc làm và tìm hiểu thông tin về lao động việc làm; số người được tư vấn 4.658 lượt người; số hồ sơ tiếp nhận tại sàn 3.521 hồ sơ.

Tổ chức 07 lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, cán bộ làm công tác an toàn lao động, cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp; 04 lớp tập huấn về công tác an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ cấp huyện, cấp xã làm công tác liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động;

- **Công tác đào tạo nghề:** Trong 9 tháng đầu năm 2019 các cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tuyển mới tạo cho 64.062 người, đạt 83,96% kế hoạch năm 2019 và cao hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 0.1%, trong đó: Cao đẳng: 4.494 người, Trung cấp: 9.189 người, sơ cấp và đào tạo thường xuyên là 50.379 người (Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 2.752 người). Có 53.024 người tốt nghiệp các khóa đào tạo, đạt 79,98% kế hoạch năm 2019 và cao hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 2,37%, trong đó: Cao đẳng: 3.905 người, Trung cấp: 5.203 người, sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 43.916 người (Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 2.235 người).

4.2 Công tác an sinh xã hội

Công tác giảm nghèo: Ban hành Kế hoạch số 1369/KH-UBND ngày 31/01/2019 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019 - 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều. Mua và cấp 45.108 thẻ BHYT miễn phí cho người nghèo, người cận nghèo, người mới thoát nghèo theo quy định. Trong 9 tháng đầu năm, đã hỗ trợ cho 2.598 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay mới với số tiền 102.444 triệu đồng (bình quân mức vay 39,4 triệu đồng/hộ).

Công tác người có công và công tác bảo trợ xã hội: Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người có công trên địa bàn tỉnh theo quy định, trong 9 tháng đầu năm đã thực hiện giải quyết chế độ y tế cho 526 trường hợp; Công tác bảo trợ trẻ em được quan tâm thực hiện.

5. Công tác nội vụ, ngoại vụ

5.1 Công tác nội vụ:

Tổ chức Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng năm 2019, Chương trình Đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020. Tổ chức thành công kỳ thi tuyển công chức năm 2019, với 490 tham dự thi có 120 thí sinh trúng tuyển.

Trình HĐND tỉnh thông qua Đề án thành lập ấp đối với các xã có liên quan đến Cảng hàng không quốc tế Long Thành và ấp 7 xã Đắc Lua, huyện Tân Phú; Đồng thời, chuẩn bị hồ sơ Đề án thành lập thị trấn Long Giao trình HĐND tỉnh xem xét; ban

hành quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã đối với huyện huyện Thống Nhất và huyện Vĩnh Cửu;

Triển khai Bộ chỉ số cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện năm 2019 và khảo sát ý kiến người dân. Hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng, đánh giá, công bố Bộ Chỉ số CCHC của UBND cấp xã. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông rà soát kiến nghị, hỗ trợ cấu hình quy trình Trung tâm hành chính lĩnh vực đất đai trên phần mềm Egov.

Công tác cải cách hành chính được tập trung thực hiện kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Đồng Nai PCI năm 2018, Đồng Nai đạt 63,84 điểm, xếp hạng 26/63 tỉnh thành, xếp hạng khá (tăng 0,69 điểm nhưng thứ hạng không thay đổi so năm 2017); Chỉ số cải cách hành chính PAR-INDEX tỉnh Đồng Nai năm 2018 đạt 78,62/100 điểm, xếp vị trí 20, giảm mạnh so với năm 2017 (năm 2017 đạt 84,25/100 điểm, xếp thứ 3 cả nước); Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI), tỉnh Đồng Nai được xếp trong nhóm 14 tỉnh có chỉ số PAPI ở mức trung bình thấp. Tuy nhiên, so với chỉ số năm 2017 là 36,9, năm 2018 là 43,09 điểm.

Tổ chức Lễ công bố Nghị quyết số 673/NQ-UBTQH14 ngày 10/4/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập, giải thể, điều chỉnh địa giới hành một số đơn vị cấp xã và thành lập thành phố Long Khánh; Nghị quyết số 694/NQ-UBTQH14 ngày 10/5/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai. Kể từ ngày 01/7/2019, Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (09 huyện, 02 thành phố), 170 đơn vị hành chính cấp xã (122 xã, 40 phường và 08 đơn vị thị trấn).

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã phê duyệt Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy 10/20 sở, ban, ngành (đạt tỷ lệ 50%) và 03 đơn vị sự nghiệp.

5.2 Công tác ngoại vụ:

Trong 9 tháng đầu năm 2019 giải quyết cho 838 hồ sơ đoàn ra, giảm 14 đoàn, chiếm tỷ lệ giảm 1,6 % so với cùng kỳ năm 2018; 99 đoàn nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, giảm 05 đoàn, chiếm tỷ lệ tăng 5.% so với cùng kỳ năm 2018; xem xét, chấp thuận cho 42 thành viên thuộc 24 doanh nghiệp được sử dụng thẻ ABTC theo quy định; giao 06 lượt hộ chiếu ngoại giao, 39 lượt hộ chiếu công vụ cho cán bộ, công chức của tỉnh đi công tác nước ngoài.

Tinh tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hóa với các địa phương của nước láng giềng Lào, Campuchia nhằm thắt chặt mối quan hệ đoàn kết hữu nghị. Bên cạnh đó, tích cực mở rộng ký kết thiết lập mối quan hệ hợp tác với tỉnh Jeollanamdo – Hàn Quốc về lĩnh vực năng lượng và tỉnh Sverdlov - Liên bang Nga về lĩnh vực hợp tác kinh tế, thương mại, công nghiệp, nhân văn.

6. Công tác tư pháp, thanh tra, tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng chống tham nhũng:

6.1 Công tác tư pháp

Tăng cường công tác xây dựng, kiểm tra xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật, qua đó phát hiện các quy định còn chồng chéo, không còn phù hợp, ảnh hưởng tác động đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống người dân; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ cho phù hợp hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, cụ thể: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 về công bố Danh mục 87 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ và một phần lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai trong năm 2018 (trong đó 70 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 17 văn bản hết hiệu lực một phần). Đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp tăng cường phối hợp các Sở, ban, ngành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực Xây dựng, Giáo dục, Nội vụ, Tài nguyên và môi trường,...

Ban hành Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 02/2/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kỳ 2014 – 2018.

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật hòa giải ở cơ sở; Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 – 2021; Ban hành kế hoạch thực hiện đề án về tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù; người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, lang thang cơ nhỡ giai đoạn 2018-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6.2 Công tác thanh tra; tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng:

Trong 9 tháng đầu năm ngành thanh tra thực hiện 68 cuộc thanh tra hành chính (kỳ trước chuyển sang 21 cuộc, triển khai mới 47 cuộc) tại 234 đơn vị, trong đó số cuộc theo kế hoạch là 51, đột xuất 17 cuộc. Đã kết thúc thanh tra tại đơn vị 55 cuộc; đã ban hành kết luận thanh tra 45 cuộc; đang triển khai thực hiện 13 cuộc.

Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: thanh tra các Sở, ngành đã triển khai thực hiện 3.482 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 16.210 đơn vị; phát hiện 4.333 trường hợp vi phạm; đã ban hành 4.305 quyết định xử phạt vi phạm hành chính cá nhân, tổ chức trên các lĩnh vực với tổng số tiền là 18.640 triệu đồng; đã nộp kho bạc 17.410,29 triệu đồng (tỷ lệ thu hồi đạt 93%).

Công tác tiếp công dân: Trong 9 tháng đầu năm 2019, Bộ phận tiếp công dân toàn tỉnh đã tiếp 5.511 lượt với 5.815 người đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị về lĩnh vực hành chính (tăng 626 lượt tương ứng tăng 13% so với cùng kỳ năm trước); phát sinh 51 lượt đoàn đông người với 787 người của 16 vụ việc đến Trụ sở Tiếp công dân tỉnh và cấp huyện để khiếu nại, phản ánh, kiến nghị; giám 25 lượt đoàn, giảm 1.708 người so với cùng kỳ năm trước. Nội dung khiếu nại của công dân chủ yếu liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án; việc cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất; hồ sơ chính sách xã hội và người có công...

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Toàn tỉnh đã tiếp nhận 5.738 đơn (Ban Tiếp công dân tỉnh 1.543 đơn; sở, ngành 762 đơn; cấp huyện 3.101 đơn, UBND cấp

xã 332 đơn). Trong đó: Đơn chưa phân loại xử lý của kỳ trước chuyển sang là 131 đơn; nhận mới 5.607 đơn (giảm 293 đơn tương ứng giảm 05 % so với cùng kỳ năm trước). Trong 4.118 đơn đủ điều kiện xử lý có 3.725 đơn không thuộc thẩm quyền được xử lý theo quy định; 393 đơn thuộc thẩm quyền (347 khiếu nại; 40 đơn tố cáo; 06 đơn tranh chấp đất đai), đơn thuộc thẩm quyền nhận mới giảm 150 đơn (tương ứng giảm 28%) so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước nhận 543 đơn).

Công tác phòng, chống tham nhũng: Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng. Thực hiện công khai, minh bạch trên lĩnh vực hoạt động của địa phương, đơn vị theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

7. Công tác dân tộc – tôn giáo tín ngưỡng:

- Công tác dân tộc: Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội 09 tháng đầu năm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh tiếp tục giữ vững ổn định; không có vụ việc vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội hay hoạt động truyền đạo trái phép xảy ra; đồng bào an tâm lao động sản xuất và sinh hoạt.

- Công tác tôn giáo: tình hình hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản tuân thủ pháp luật, các lễ nghi tại cơ sở thờ tự diễn ra theo nội dung, chương trình đã thông báo, các hoạt động ngoài cơ sở thờ tự theo đúng nội dung, chương trình đã đăng ký và được chấp thuận.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, tu sĩ Phật giáo tại trường hạ Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh; tuyên truyền phổ biến pháp luật tại các Trường hạ Phật giáo, triển khai môn Pháp luật Việt Nam tại Trường Trung cấp Phật học tỉnh, Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc.

III. VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH:

1. Về quốc phòng – an ninh:

Triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh năm 2019, hoàn thành chỉ tiêu giao quân, chọn và gọi công dân nhập ngũ đạt chỉ tiêu ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã); Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Đồng Nai 2019; duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, lực lượng trực chiến ở các cấp; sẵn sàng lực lượng, phương tiện ứng phó các tình huống xảy ra, bảo vệ an toàn các mục tiêu quan trọng, các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh, phòng chống giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ.

2. Công tác phòng, chống tội phạm ma túy, kinh tế, môi trường:

Trong tháng 9/2019, phát hiện, bắt và xử lý 47 vụ/125 đối tượng tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy. So với tháng trước ít hơn 10 vụ và ít hơn 130 đối tượng. Đã khởi tố 43 vụ/47 bị can (kỳ trước chuyển qua 14 vụ/14 bị can), xử lý hành chính 07 vụ/72 đối tượng, các vụ còn lại đang điều tra.

Phát hiện 17 vụ /17 đối tượng vi phạm pháp luật quản lý kinh tế, so với tháng trước

ít hơn 10 vụ, đã khởi tố 01 vụ/ 00 bị can, xử lý hành chính 16 vụ/18 đối tượng (kỳ trước chuyển qua 07 vụ/09 đối tượng), các vụ còn lại đang điều tra.

Phát hiện 16 vụ /16 đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường, so với tháng trước ít hơn 11 vụ, đã xử lý hành chính 23 vụ/28 đối tượng (kỳ trước chuyển qua 18 vụ/23 đối tượng), các vụ còn lại đang điều tra.

2. Về bảo đảm trật tự xã hội; an toàn giao thông:

Trong tháng 9/2019: tai nạn giao thông Đường bộ xảy ra 36 vụ, làm chết 34 người, bị thương 13 người; So với tháng trước tăng 12 vụ, tăng 16 người chết và tăng 01 người bị thương; so với cùng kỳ năm 2018 (tăng 20 vụ, tăng 16 người chết, tăng 08 người bị thương). Nguyên nhân đa phần do điều khiển phương tiện chạy quá tốc độ, không quan sát, đi không đúng phần đường, lấn trái đường, qua đường bất cẩn, say rượu bia, vượt sai qui định ...Đường sắt xảy ra 01 vụ, làm chết 01 người so với tháng trước giảm 01 vụ, không tăng không giảm về số người bị chết, so với cùng kỳ không tăng giảm. Tai nạn giao thông đường thủy không xảy ra so với tháng trước và cùng không tăng, giảm.

+ Tình hình cháy, nổ: trong tháng 9/2019 xảy ra 04 vụ cháy, so với tháng trước tăng 03 vụ không có thiệt hại về người, tài sản thiệt hại đang thống kê, nguyên nhân đang điều tra.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Kết quả đạt được:

Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực, các ngành, lĩnh vực chủ yếu tiếp tục tăng trưởng tốt: dịch vụ du lịch được quan tâm phát triển; môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, số doanh nghiệp thành lập mới và số dự án đầu tư thuộc khu vực nước ngoài tăng. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch diễn ra sôi động, phong phú. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm an toàn thực phẩm được tăng cường. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác đối ngoại được chú trọng triển khai.

2. Khó khăn, thách thức:

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, thách thức cụ thể:

- Kim ngạch xuất khẩu tăng chậm.

- Giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

- Những tháng đầu năm 2019 nắng nóng kéo dài nên ảnh hưởng đến việc gieo trồng, cũng như sinh trưởng của cây trồng vụ Đông xuân; dịch bệnh trên đàn vật nuôi tuy được kiểm soát, nhưng dịch tả lợn Châu Phi đã xâm nhập vào các địa phương trong tỉnh; tình trạng ô nhiễm nguồn nước dẫn đến cá chết hàng loạt trên Sông La Ngà vào đầu mùa mưa tiếp tục tái diễn.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định, chế độ, chính sách về pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động đã được thực hiện thường xuyên, tuy nhiên

các chủ doanh nghiệp trên địa bàn chưa triển khai thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động cho người lao động.

- Nguy cơ bùng phát các dịch bệnh nguy hiểm, số người mắc bệnh cao như: sốt xuất huyết, sởi do điều kiện vệ sinh môi trường nói chung và điều kiện về nhà ở, vệ sinh của các hộ gia đình ở khu vực nông thôn, khu dân cư nghèo, khu nhà trọ của công nhân... còn thấp và tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

- Tình hình khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp giảm 50% số lượt đoàn so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, việc rà soát, xử lý giải quyết các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh tiến độ xử lý vẫn còn chậm.

- Tình hình an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh trong 9 tháng đầu năm giảm cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ, nhưng tình hình phạm pháp hình sự lại tăng.

B. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2019:

Nhằm khắc phục những khó khăn đối với các ngành, lĩnh vực khi triển khai thực hiện nhiệm vụ trong 3 tháng cuối năm 2019, và để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh thông qua; ngoài các nhiệm vụ, giải pháp đã được UBND tỉnh phân công cụ thể cho từng đơn vị, yêu cầu Thủ trưởng các Sở ngành, địa phương tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm như sau:

1. Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy trong năm 2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước; những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 và Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; giám sát chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, tiết kiệm chi thường xuyên. Tập trung các giải pháp đơn đốc nợ thuế; thực hiện rà soát các dự án đã có Quyết định giao đất nhưng còn vướng mắc trong thủ tục chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Theo dõi sâu sát nguồn thu ngân sách nhà nước, để có biện pháp cân đối đảm bảo các nhiệm vụ chi, ưu tiên chi cho các lĩnh vực an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

3. Tăng cường quản lý đầu tư công, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân. Có giải pháp tháo gỡ khó khăn liên quan đến các thủ tục đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân, triển khai các dự án đầu tư công, đặc biệt là dự án có sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ. Chủ động điều chuyển kế hoạch vốn năm 2019 của các dự án chậm tiến độ thực hiện và giải ngân sang các dự án khác có nhu cầu, có tiến độ giải ngân tốt, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, các dự án có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn năm 2019.

4. Tập trung thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu phi. Chủ động, tổ chức giám sát chặt chẽ, kịp thời phát hiện, xử lý tiêu hủy lợn bệnh; tổ chức kiểm soát vận chuyển, kiểm soát giết mổ lợn theo đúng quy định.

Hỗ trợ nông dân khắc phục những khó khăn, hậu quả do dịch bệnh gây ra trong lĩnh vực nông nghiệp.

5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển mạnh thị trường trong nước, đẩy mạnh tăng trưởng xuất khẩu, nhất là xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp chủ lực. Xây dựng kế hoạch, Chương trình bình ổn giá đối với các mặt hàng thiết yếu nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, cụ thể: Khởi công xây lắp khu tái định cư; thực hiện kiểm đếm áp giá cho các hộ dân bị thu hồi đất; giao đất cho các tổ chức để đầu tư xây dựng lại cơ sở mới.

7. Ngành y tế chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai mạnh mẽ công tác thông tin giáo dục, truyền thông về phòng, chống sốt xuất huyết, huy động các lực lượng truyền thông, các kênh truyền thông tuyên truyền cho người dân về các biện pháp diệt loăng quăng, bọ gậy, nằm màn, chống muỗi đốt; tăng cường giám sát, nắm chắc các ổ dịch sốt xuất huyết hiện có và phát sinh, tổ chức phun hóa chất diệt muỗi trên diện rộng tại các khu vực có nguy cơ cao và phun hóa chất triệt để khi phát hiện các ổ dịch không để dịch bùng phát, lan rộng, kéo dài.

8. Thực hiện sắp xếp, ổn định bộ máy các cơ quan, tổ chức; sắp xếp, bố trí số cán bộ, công chức cấp xã dồi dư; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 673/NQ-UBTVQH14 ngày 10/4/2019, 694/NQ-UBTVQH14 ngày 10/5/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội XIV.

9. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm và tệ nạn ma túy tại địa bàn dân cư; chú trọng kiểm tra, tuần tra các điểm thường xuyên xảy ra tai nạn giao thông.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh tháng 9, 9 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm trong 3 tháng cuối năm 2019; UBND tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp trong tỉnh chủ động phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UB.MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Giám đốc các Sở, Ban ngành;
- Chủ tịch UBND các huyện, TX .LK, TP.BH;
- Chánh - phó VP UBND;
- Lưu: VT, các phòng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng